

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-9-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Hà Tuấn Vĩnh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: **Nguyễn Thị Oanh.**

Ông: **Nguyễn Hồng Diện.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lăng Đức Lan** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Lượng** - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS ngày 13/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-DS ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Vi Văn Nhân N**, Sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Ma Thị Thanh T**, sinh năm: 1997; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh Vi Văn Nhân N trình bày: Anh và vợ là chị Ma Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau, bản thân anh đã cố gắng chịu đựng để duy trì hạnh phúc nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được ngày càng trầm trọng hơn, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có các động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xác định tình cảm không còn nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Vi Công C, sinh ngày 20/5/2015, hiện cháu đang ở cùng anh N, vợ anh không quan tâm đến con, vợ đi khỏi nhà thì thoảng có về nhưng không cho anh biết địa chỉ ở đâu. Khi ly hôn quan điểm của anh là được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Ma Thị Thanh T vắng mặt, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi chị T cư trú và Tòa án cũng đã gửi văn bản tố tụng cho người thân của chị T, người thân của chị T đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị T được biết việc anh N yêu cầu ly hôn chị T, mẹ chồng chị T liên lạc qua điện thoại cho chị T nhưng chị T vẫn che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do vậy căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình chấp hành tốt Nội quy phiên tòa. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn Nhân N đối với chị Ma Thị Thanh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về con chung: Giao cháu Vi Công C, sinh ngày: 20/5/2015 cho anh Vi Văn Nhân N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Chị Ma Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Vi Văn Nhân N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Vi Văn Nhân N có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Ma Thị Thanh T có nơi cư trú là thôn B, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án người thân chị T nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đều thông báo cho chị T nhưng chị T vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc anh N yêu cầu ly hôn, hơn nữa Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với chị T theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy Tòa án đã triệu tập họp lần thứ hai, bị đơn chị Ma Thị Thanh T vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ma Thị Thanh T. Nguyên đơn là anh Vi Văn Nhân N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Vi Văn Nhân N.

[3] Về hôn nhân: Anh Vi Văn Nhân N và chị Ma Thị Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống anh N và chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau, hai bên không còn có sự tôn trọng, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tòa án tổng đặt văn bản tố tụng họp lệ cho chị T nhưng chị T vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh N. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh ngày 13 tháng 8 năm 2020 thể hiện chị T đi đâu làm gì không báo cho chính quyền địa phương nơi chị T cư trú. nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có sự động viên chia sẻ, mâu thuẫn giữa anh N và chị T đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân không được cải thiện. anh N và chị T sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay mỗi người sống và làm việc một nơi, không quan tâm gì đến nhau, quá trình chung sống anh chị có 01 con chung, hiện cháu đang ở cùng anh N, anh chị không tạo lập được tài sản chung. Anh N xác định không còn tình cảm với chị T, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh N không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

[5] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là Vi Công C, sinh ngày: 20/5/2015. Xét thấy, anh N đang trực tiếp nuôi con chung, anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án chị T không có mặt nên không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao con chung cho anh N được trực tiếp nuôi, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Ma Thị Thanh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Vi Văn Nhân N phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 68, 69, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Vi Văn Nhân N. Anh Vi Văn Nhân N được ly hôn chị Ma Thị Thanh T.

Về con chung: Giao cháu Vi Công C, sinh ngày: 20/5/2015 cho anh Vi Văn Nhân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị T, anh N có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về Án phí: Anh Vi Văn Nhân N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0001146, ngày 08/7/2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã T,
- Chi cục THA huyện Bắc Quang;
- Lưu HS-BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh